

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2021.

“V/V tranh chấp: Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2020/TLST- HNGĐ ngày 26/11/2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Dương Mạnh C**, sinh năm 1984.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 2 xã TP, huyện TT, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 2 xã TP, huyện TT, tỉnh PT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 08/12/2020 nguyên đơn là anh Dương Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Đ năm 2008, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PN, huyện PN, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình, bước đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị ly hôn với chị Đ

Về con chung: Anh và chị Đ có hai con chung là cháu Dương Quốc B, sinh ngày 01/9/2009 và cháu Dương Quốc A, sinh ngày 20/7/2014. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, không đề nghị chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt, Toà án đã thông báo, triệu tập hợp lệ, tuy nhiên chị vắng mặt không lý do.***

Qua làm việc tại UBND xã TP; Công an xã TP, huyện TT, tỉnh PT xác định: Hiện tại chị Đ có hộ khẩu tại khu 2 xã TP và vẫn sinh sống tại địa phương, vợ chồng anh C chị Đ đã sống ly thân. Quá trình chung sống, anh C chị Đ có hai con chung như anh C trình bày. UBND xã TP đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa(có bài phát biểu lưu trong hồ sơ vụ án):***

- Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh C: Xử cho anh C được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh C và chị Đ có hai con chung là cháu Dương Quốc B, sinh ngày 01/9/2009 và cháu Dương Quốc A, sinh ngày 20/7/2014. Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Anh C do điều kiện bận công việc nên anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị Đ về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho chị đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên chị Đ đều vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh C kết hôn với chị Đ năm 2008, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã PN, huyện PN, tỉnh PT, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh C và chị Đ đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn với chị Đ.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho chị Đ nhưng chị đều vắng mặt không lý do. Tòa án làm việc với UBND xã TP; Công an xã TP, huyện TT, tỉnh PT xác định: Hiện tại chị Đ có hộ khẩu tại Khu 2 xã TP và vẫn sinh sống tại địa phương, vợ chồng anh C chị Đ đã sống ly thân. UBND xã TP đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh C chị Đ đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, liên hệ đến nhau. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh C, xử cho anh được ly hôn chị Đ là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Xét về con chung: Anh C và chị Đ có hai con chung là cháu Dương Quốc B, sinh ngày 01/9/2009 và cháu Dương Quốc A, sinh ngày 20/7/2014. Ly hôn, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung, không yêu cầu chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm cháu Bình xin được ở với bố.

Xét thấy hiện nay cháu Bình và cháu An đang sinh sống cùng anh C, có cuộc sống, học tập ổn định. Chị Đ không đến Tòa án để thể hiện quan điểm về con chung. Vì vậy HĐXX thấy cần giao cháu Bình, cháu An cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp, chị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về

cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

[3] Về tài sản và công nợ chung, công sức đóng góp: Anh C không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Mạnh C được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Dương Mạnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Quốc B, sinh ngày 01/9/2009 và cháu Dương Quốc A, sinh ngày 20/7/2014 kể từ tháng 5/2021 cho đến khi các cháu thành niên. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

theo biên lai số AA/2018/0000674 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã PN, huyện PN ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú